

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-6-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thanh Phương

Ông Trần Văn Điệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 597/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 430/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị C**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 7, xã V, thành phố T, tỉnh G.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Út Đ**, sinh năm 1987.

HKTT: ấp 7, xã V, thành phố T, tỉnh G.

Tạm trú: cơ sở trọ Nguyễn Hồng Nh, ấp Đ, xã H, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn chị **Thị C** trình bày:

Chị và anh Nguyễn Út Đ tự nguyện chung sống vào cuối năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố T, tỉnh G (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 25/7/2011).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ gia trưởng, vũ phu, thường kiểm chuyện chửi bới, đánh đập chị. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Đ không sửa đổi. Từ tháng 05/2019 vợ chồng sống ly thân, chị có đến gặp anh Đ vài lần để hòa giải đoàn tụ nhưng không được. Nay chị cương quyết ly hôn với anh Đ vì vợ chồng không còn tình cảm.

- Con chung: có 01 cháu tên là Danh Nguyễn Hoàng A - sinh ngày 21/5/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu A sống cùng anh Đ đến nay. Nếu ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Út Đ đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên tại biên bản ghi nhận sự việc ngày 10/5/2021 anh Đ không đồng ý ly hôn với chị C. Nếu chị C giao con chung là cháu Danh Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/5/2010 cho anh nuôi dưỡng thì anh đồng ý, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.*

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Thị C và anh Nguyễn Út Đ tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố T, tỉnh G. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Danh Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/5/2010. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ vũ phu, thường đánh đập chị C. Từ tháng 5/2019 cho đến nay, chị C và anh Đ sống ly thân nhau. Nay chị C xin ly hôn anh Đ, đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng tại biên bản ghi nhận sự việc ngày 10/5/2021 thì anh Đ đồng ý nuôi cháu A. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Thị C có yêu cầu vắng mặt, anh Nguyễn Út Đ đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Thị C yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Út Đ. Hiện nay anh Đ đang tạm trú và sinh sống tại cơ sở trọ Nguyễn Hồng Nh, ấp Đ, xã H, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Thị C, bị đơn là anh Nguyễn Út Đ.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị C và anh Nguyễn Út Đ chung sống vào năm 2009, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 25/7/2011. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị C xin ly hôn anh Đ vì không còn tình cảm vợ chồng.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị C khai là do anh Đ vũ phu, thường chửi bới, đánh đập chị. Chị C đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Đ không sửa đổi. Từ tháng 5/2020 cho đến nay, vợ chồng chị sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không đến Tòa án, từ đó thể hiện anh Đ không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị C.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh Đ đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị C được ly hôn anh Đ là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị C khai có 01 con chung là cháu Danh Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/5/2010. Ly hôn, chị C đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, tạm thời chị C không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị C và anh Đ sống ly thân thì con chung được anh Đ trực tiếp chăm sóc cho đến nay, cháu A cũng có nguyện vọng được sống cùng cha. Ngoài ra tại biên bản ghi nhận sự việc ngày 10/5/2021 anh Đ đồng ý nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy cần giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu A, tạm thời chị C không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[5]. Tài sản chung: Chị C khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Chị C phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị C về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Út Đ.

1. Xử: Cho chị Thị C được ly hôn anh Nguyễn Út Đ.

2. Về con chung: Xử giao cháu Danh Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/5/2010 cho anh Đ nuôi dưỡng. Tạm thời chị C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000868 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị C đã nộp đủ án phí.

Chị Thị C, anh Nguyễn Út Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Mai**